

Số: 30/2023/QĐST-HNGĐ

Thành phố Huế, ngày 18 tháng 01 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 và 119 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 931/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

**1. Anh Trần Văn T**, sinh năm 1990; địa chỉ: Đường H, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

**2. Chị Trần Thị Hoài T**, sinh năm 1991; địa chỉ: Đường H, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn T và chị Trần Thị Hoài T thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Trần Văn T và chị Trần Thị Hoài T xác nhận có 02 con là Trần Mộc N, sinh ngày 24/9/2018 và Trần Văn Hoàng S, sinh ngày 18/5/2021.

Anh T và chị T thỏa thuận: Giao 02 con Trần Mộc N và Trần Văn Hoàng S cho chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi; Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với số tiền 1.500.000 đồng/tháng/con, kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi mỗi con Mộc N, Hoàng S đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: Anh T và chị T xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh T và chị T xác nhận không có nợ chung.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh T và chị T mỗi người phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí, tổng cộng 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng); được khấu trừ hết vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà anh T và chị T đã nộp theo Biên lai số AA/2021/0005409 ngày 12/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 01 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Trần Văn T và chị Trần Thị Hoài T thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Giao 02 con Trần Mộc N và Trần Văn Hoàng S trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi; Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với số tiền 1.500.000 đồng/tháng/con, kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi mỗi con Mộc N, Hoàng S đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- *Về tài sản chung:* Anh T và chị T xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Anh T và chị T xác nhận không có nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh T và chị T mỗi người phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí, tổng cộng 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng); được khấu trừ hết vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà anh T và chị

T đã nộp theo Biên lai số AA/2021/0005409 ngày 12/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP Huế;
- TAND Tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Chi cục THADS TP Huế;
- Các đương sự;
- UBND phường Võ Dạ  
(ĐKKH số 49 ngày 17/4/2018);
- Lưu án;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Trần Thị Thu Hằng**